

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
-----o0o-----

BÁO CÁO SINH HOẠT HỌC THUẬT
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐỀ TÀI: PHÁT TRIỂN THANH TOÁN SỐ TẠI VIỆT NAM
TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC

Người thực hiện: Phạm Thị Nguyệt
Đơn vị: Bộ môn Tin học Kinh tế

Hà Nội 2023

Mục lục

1.	Bối cảnh và định nghĩa	2
1.1.	Bối cảnh thanh toán số	3
1.2.	Thanh toán số là gì	7
2.	Chủ trương, định hướng của nhà nước về thanh toán không dùng tiền mặt	7
2.1.	Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0	7
2.2.	Quyết định 1813/QĐ-TTg Phê duyệt đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2021-2025	8
2.3.	Quyết định 986/QĐ-TTg Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.....	9
2.4.	Quyết định 149/QĐ-TTg Chiến lược tài chính toàn diện QG đến năm 2025, định hướng đến 2030.....	9
2.5.	Quyết định 749/QĐ-TTg Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.....	10
2.6.	Quyết định 411/QĐ-TTg Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.....	10
2.7.	Quyết định 942/QĐ-TTg Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	11
3.	Tiềm năng thanh toán số tại Việt Nam	12
3.1.	Khung pháp lý thúc đẩy thanh toán số	13
3.2.	Khuôn khổ pháp lý, thông qua hướng dẫn và quy định, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình số hóa sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng.....	14
3.3.	Hạ tầng kỹ thuật thanh toán tại Việt Nam.....	17
4.	Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam.....	18
4.1.	Thanh toán số tại Việt Nam - Những lựa chọn và tốc độ tăng trưởng	18
4.2.	Thanh toán không dùng tiền mặt trong dịch vụ công	20
4.3.	Kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia về dân cư	21
5.	Triển vọng, thách thức và định hướng trong thời gian tới	22
5.1.	Triển vọng thanh toán số	22
5.2.	Một số hạn chế và thách thức.....	25
5.3.	Định hướng các giải pháp trong thời gian tới	27
	Tài liệu tham khảo	30

1. **Bối cảnh và định nghĩa**

1.1. Bối cảnh thanh toán số

- Nhu cầu khách hàng

Bối cảnh thanh toán số đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ sự thay đổi nhanh chóng trong hành vi của khách hàng. Ngày nay, họ ngày càng chấp nhận và ưa chuộng sự linh hoạt và tiện lợi của các dịch vụ thanh toán số. Sự xuất hiện của các ứng dụng thanh toán di động và ví điện tử đang đáp ứng mạnh mẽ nhu cầu này. Đồng thời, kỳ vọng cao của khách hàng đối với các dịch vụ ngân hàng-tài chính số đặt ra thách thức lớn đối với ngành này. Khách hàng mong đợi trải nghiệm người dùng cao cấp, tính đa dạng của dịch vụ, và đặc biệt là yêu cầu về bảo mật thông tin cá nhân và giao dịch tài chính. Những yếu tố này kết hợp với nhau để tạo nên một môi trường thanh toán số động và đầy thách thức, đồng thời mở ra nhiều cơ hội cho sự đổi mới và cạnh tranh trong ngành ngân hàng-tài chính.

- Người chơi mới

Thanh toán số đang chứng kiến sự đổi mới đáng kể từ việc tham gia của những người chơi mới, nhất là trong lĩnh vực Fintech và Bigtech. Sự xuất hiện mạnh mẽ của các doanh nghiệp công nghệ tài chính (Fintech) đang tạo ra một sân chơi mới, thách thức đối với các ngân hàng truyền thống và tạo nên một động lực cạnh tranh tích cực. Các ứng dụng và dịch vụ tài chính số từ Fintech không chỉ mang lại trải nghiệm mới mẻ cho người dùng mà còn đưa ra những giải pháp tài chính sáng tạo.



Ngoài ra, xu hướng nổi lên của các lớp tài sản mới, như digital assets và cryptocurrency, cũng đang làm thay đổi cảnh quan tài chính toàn cầu. Việc này mở ra nhiều cơ hội đầu tư mới và tạo ra sự đa dạng trong lựa chọn tài chính cho nhà đầu

tư. Các loại tài sản này không chỉ động viên người chơi truyền thống mà còn làm phong phú hóa thêm phương tiện thanh toán và lưu trữ giá trị. Sự đa dạng này đồng thời đặt ra thách thức về quản lý rủi ro và cần phải có sự linh hoạt trong quy định để đảm bảo sự an toàn và minh bạch trong quá trình sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tài chính số mới.



- Công nghệ số

Sự xuất hiện phổ biến của thiết bị di động và các giải pháp công nghệ số đã tác động sâu rộng vào mọi khía cạnh của cuộc sống và công việc. Thiết bị di động, như điện thoại thông minh và máy tính bảng, đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, mang lại sự tiện lợi và kết nối liên tục. Trong lĩnh vực công việc, công nghệ số là một công cụ là nguồn động viên mạnh mẽ để đổi mới mô hình kinh doanh.

Công nghệ số cung cấp cơ hội độc đáo để cảm ứng sản phẩm và dịch vụ, tạo ra những trải nghiệm người dùng mới và đáp ứng nhanh chóng những thay đổi trong nhu cầu của thị trường. Đồng thời, nó giúp đơn giản hóa và tối ưu hóa quy trình kinh doanh, từ việc quản lý thông tin, tương tác với khách hàng, đến quản lý chuỗi cung ứng và phân phối sản phẩm. Việc sử dụng công nghệ số là chiến lược hiệu quả để nâng cao năng suất mà đó là cách để tạo ra giá trị gia tăng và định hình lại cách doanh nghiệp tương tác với thị trường. Sự linh hoạt và khả năng đổi mới của công nghệ số là một nguồn động lực quan trọng đằng sau sự chuyển đổi toàn diện của nhiều ngành kinh tế hiện đại.



- Quy định cởi mở

Trong lĩnh vực thanh toán số, quy định cởi mở đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững và tích cực của hệ thống. Chính sách và quy định pháp lý linh hoạt tạo ra một môi trường kinh doanh mà đối tác trong ngành có thể linh hoạt thích nghi và cạnh tranh một cách công bằng.

Thúc đẩy sự cạnh tranh: tạo ra sân chơi công bằng cho tất cả các doanh nghiệp, kể cả những người mới gia nhập thị trường. Điều này thúc đẩy sự cạnh tranh, giúp ngành thanh toán số phát triển thông qua sự đổi mới và cải tiến liên tục.

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: thường đi kèm với các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng, như đảm bảo an toàn thông tin cá nhân và quyền lợi trong các giao dịch thanh toán. Các quy định về bảo mật và quyền riêng tư đảm bảo người tiêu dùng sử dụng dịch vụ thanh toán số một cách an toàn..

Khuyến khích đổi mới sáng tạo và sự đa dạng: Quy định linh hoạt khuyến khích sự đổi mới trong sản phẩm và dịch vụ thanh toán số. Sự đa dạng trong lựa chọn dịch vụ tạo ra một thị trường phong phú và phản ánh nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

- Rủi ro an ninh mạng

Rủi ro an ninh mạng ngày càng trở thành một thách thức nổi bật và không ngừng gia tăng, đặc biệt là trong ngữ cảnh của sự số hóa và chuyển đổi số (CDS), đặc biệt ảnh hưởng đến ngành ngân hàng-tài chính. Sự tiến triển nhanh chóng của công nghệ và sự kết nối mạng toàn cầu đã mở ra cánh cửa cho nhiều cơ hội mới, nhưng cũng đồng thời tạo ra những điểm yếu và nguy cơ an ninh mạng.

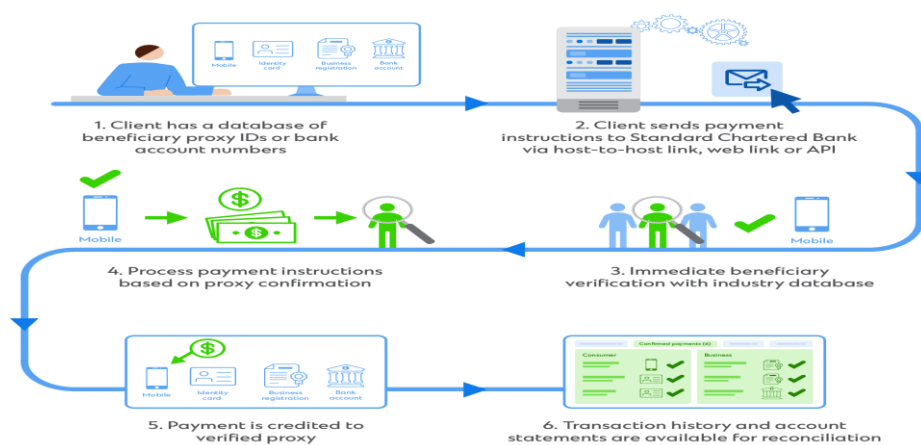
Trong bối cảnh số hóa, các dịch vụ ngân hàng-tài chính ngày càng trở nên phụ thuộc vào hệ thống mạng và công nghệ thông tin. Điều này không chỉ tăng cường sự tiện lợi cho người tiêu dùng mà còn mở ra nhiều cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, điều này cũng làm tăng nguy cơ bị tấn công mạng, mất thông tin quan trọng, và thậm chí là mất kiểm soát về tài chính.

Ngành ngân hàng-tài chính, với lượng thông tin và giao dịch tài chính lớn, trở thành một mục tiêu hấp dẫn cho các hành động tội phạm mạng. Rủi ro an ninh mạng không chỉ đến từ các hacker cá nhân mà còn từ các tổ chức tội phạm có tổ chức cao cấp và những quốc gia có ý đồ xấu.

Đối mặt với những thách thức này, ngành ngân hàng-tài chính không chỉ cần đầu tư mạnh mẽ vào các biện pháp bảo mật mạng mà còn cần thực hiện các chiến lược quản lý rủi ro và hợp tác với các bên liên quan để xây dựng một môi trường số an toàn và bền vững. Sự cần thiết của việc duy trì và cải thiện liên tục các hệ thống bảo mật mạng trở thành mối quan tâm hàng đầu để ngăn chặn và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn và đảm bảo an ninh cho dữ liệu và tài khoản tài chính của người tiêu dùng.

- Các hệ thống thanh toán mới

Sự xuất hiện phổ biến của các hệ thống thanh toán mới, đặc biệt là instant payments, đang thúc đẩy sự thay đổi và đổi mới trong cách chúng ta hiểu và thực hiện thanh toán số, mở ra nhiều cơ hội và đặt ra những thách thức quan trọng cho ngành thanh toán số toàn cầu.



1.2. Thanh toán số là gì

Thanh toán số là mô hình giao dịch không dùng tiền mặt đang trở thành xu hướng trong những năm gần đây. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt (non-cash), được thực hiện qua kênh số, trực tuyến hoặc qua phương tiện điện tử khác. Có thể bao gồm mọi khoản thanh toán, chuyển tiền qua các tổ chức cung ứng dịch vụ được phép (như ngân hàng, TGT, Telco thí điểm Mobile-money,...). Thực hiện qua các phương thức đa dạng như thẻ ngân hàng, chuyển khoản ngân hàng, chuyển tiền, thanh toán qua ứng dụng Mobile Banking, Ví điện tử, Mobile Money...

Thanh toán số mang lại những lợi ích nhất định như: giao dịch nhanh chóng, thuận tiện, phù hợp với xu thế thị trường: Theo làn sóng của các hoạt động mua bán hàng trực tuyến, bán hàng online, thanh toán trực tuyến qua công điện tử cũng dần được chú trọng. Người tham gia giao dịch có thể thực hiện chuyển tiền nhanh chóng, chính xác mà không phải đến ngân hàng. Dễ dàng theo dõi và kiểm soát: Hầu hết các tài khoản của hình thức thanh toán số đều cho phép bạn tra cứu lại các giao dịch đã thực hiện và có lưu lại lịch sử giao dịch theo ngày, tháng... Do đó, cả người mua và người bán khi cần đều có thể theo dõi tiến trình của giao dịch hoặc tìm lại những giao dịch đã từng thực hiện. Tạo sự chuyên nghiệp cho các hoạt động kinh doanh: Khi kinh doanh online, đối tượng khách hàng của bạn cực kỳ đa dạng, và phần lớn khách hàng sử dụng công nghệ ngày nay thường thanh toán bằng thẻ tín dụng khi mua hàng. Do đó việc bạn không chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng cũng có nghĩa là bạn từ chối bán hàng. Hạn chế dùng tiền mặt: Việc hạn chế dùng tiền mặt sẽ góp phần giảm tải thất thoát và các rủi ro không mong muốn cho người sử dụng, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ có giá trị lớn.

2. Chủ trương, định hướng của nhà nước về thanh toán không dùng tiền mặt

2.1. Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0

Tập trung tham gia CMCN 4.0: Nghị Quyết 52-NQ/TW là bản tuyên bố quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc Cách Mạng Công Nghiệp 4.0 (CMCN 4.0).

Đổi mới tư duy và phương pháp: Chủ trương này không chỉ tập trung vào việc áp dụng công nghệ, mà còn đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy và phương pháp quản lý, tạo điều kiện cho sự đổi mới và sáng tạo.

Đào tạo nhân sự chất lượng cao: Một trong những điểm chính của chủ trương là nâng cao năng lực nhân sự, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp và công nghệ, thông qua việc cập nhật kiến thức và kỹ năng mới.

Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp: Chủ trương này khuyến khích sự hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ quan chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia và phát triển trong môi trường CMCN 4.0.

2.2. Quyết định 1813/QĐ-TTg Phê duyệt đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2021-2025

Hạ tầng thanh toán số quốc gia: Quyết định 1813/QĐ-TTg phê duyệt đề án phát triển TTKDTM tập trung vào việc xây dựng hạ tầng thanh toán số quốc gia theo hướng đồng bộ và thống nhất.

Chính sách khuyến khích: Đề án này hoàn thiện cơ chế và chính sách để thúc đẩy mạnh TTKDTM, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân sử dụng dịch vụ thanh toán số.

Tối ưu hóa mạng lưới ATM, POS: Đề án hướng đến việc đẩy mạnh TTKDTM và tối ưu hóa mạng lưới ATM, POS để nâng cao trải nghiệm giao dịch của người dân và doanh nghiệp

Giảm tỷ trọng tiền mặt: Đặt mục tiêu giảm tỷ trọng tiền mặt trên tổng PTTT xuống dưới 10% vào cuối 2020 và dưới 8% vào cuối 2025.

Mục tiêu cụ thể đến cuối năm 2025 giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 25 lần tổng sản phẩm quốc nội (GDP); thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%; từ 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác; tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ thanh toán của người dân; tăng số lượng cơ sở chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt lên trên 450.000 điểm.

Chính phủ cũng đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng về số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt trung bình từ 20%/năm đến 25%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân về số lượng giao dịch qua kênh điện thoại di động đạt từ 50%/năm đến 80%/năm và giá trị giao dịch đạt từ 80%/năm đến 100%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân số lượng và giá trị giao dịch qua internet đạt từ 35%/năm đến 40%/năm; tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 40%.

2.3. *Quyết định 986/QĐ-TTg Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*

Định hướng chiến lược đến năm 2030

Phát triển dịch vụ ngân hàng số: Quyết định này đặt mục tiêu phát triển các dịch vụ ngân hàng số, sử dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ mới để cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Tăng cường an ninh và bảo mật: Đầu tư mạnh mẽ vào an ninh mạng và bảo mật thông tin để đảm bảo an toàn trong giao dịch và lưu trữ thông tin cá nhân.

Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp: Tăng cường hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp và fintech để thúc đẩy sự đổi mới trong ngành ngân hàng.

Xây dựng hệ thống thanh toán tiện lợi và an toàn: Đặt mục tiêu giảm tỷ trọng tiền mặt, tăng giá trị thanh toán không dùng tiền mặt và tăng cường tốc độ tăng trưởng giao dịch không dùng tiền mặt.

2.4. *Quyết định 149/QĐ-TTg Chiến lược tài chính toàn diện QG đến năm 2025, định hướng đến 2030*

Ngày 22/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 149/QĐ-TTg về việc ban hành Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025 và định hướng năm 2030. Việc ban hành Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia có ý nghĩa hết sức to lớn góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, nổi bật là vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính nhằm tăng thêm thu nhập người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm đối tượng yếu thế như phụ nữ, người nghèo, người thu nhập thấp, góp phần

xóa đói giảm nghèo tạo sự phát triển hài hòa bền vững trên khắp các vùng miền trong cả nước.

Chiến lược tài chính quốc gia đến năm 2025 và định hướng năm 2030, đặt ra mục tiêu tổng quát: Mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững. Phần đầu đến cuối năm 2025, ít nhất 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác; tiến tới mục tiêu mỗi người trưởng thành có ít nhất một tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác vào năm 2030; ít nhất 50% tổng số xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính; ít nhất 25 - 30% người trưởng thành gửi tiết kiệm tại tổ chức tín dụng (TCTD); số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tốc độ tăng 20 - 25% hàng năm...

2.5. Quyết định 749/QĐ-TTg Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Quyết định số 749/QĐ-TTg khẳng định tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp. Chương trình chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu.

2.6. Quyết định 411/QĐ-TTg Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Mục tiêu đến năm 2025:

Tỷ trọng kinh tế số: 20% GDP

Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực $\geq 10\%$

Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ $>10\%$

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử >80%

Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động >2%

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số >50%

Mục tiêu đến năm 2030:

Tỷ trọng kinh tế số đạt 30%GDP

Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành và lĩnh vực đạt $\geq 20\%$

Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt >20%

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%

Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số đạt >70%

Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt >3%

2.7. Quyết định 942/QĐ-TTg Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Quyết định nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, ngành, địa phương. Trong đó, trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại Bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại Bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các Bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

Các Bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ Trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

3. Tiềm năng thanh toán số tại Việt Nam

Với các tiềm năng để phát triển thanh số như:

Dân số đông: Với dân số gần 100 triệu người, cơ cấu dân số trẻ trong đó có khoảng 69,3% là người trưởng thành, Việt Nam là một thị trường với tiềm năng lớn cho thanh toán số. Điều này được thúc đẩy bởi việc 85% dân số sở hữu smartphone, một công cụ mạnh mẽ để kết nối và thực hiện các giao dịch thanh toán.

Kết nối mạng di động toàn quốc: Với 130 triệu thuê bao di động và 51 triệu thuê bao Internet di động, Việt Nam đã tạo ra một hạ tầng mạng di động mạnh mẽ. Kết nối 3G/4G phủ rộng khắp cả nước, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dịch vụ thanh toán số mọi nơi, mọi lúc. Sức mạnh thanh toán qua smartphone: Việt Nam nổi bật với tỷ lệ người thanh toán qua smartphone cao đứng thứ hai trên thế giới, với

33,2% dân số sử dụng smartphone (theo Statista 2022) để thực hiện các giao dịch thanh toán. Điều này thể hiện sự chấp nhận mạnh mẽ từ phía người dân về tính tiện lợi và an toàn của thanh toán số.

Internet và kinh tế số: 77,9 triệu người dùng internet chiếm 79% dân số, đặt Việt Nam vào vị trí dẫn đầu về tiếp cận và sử dụng internet trong khu vực. Kinh tế số của Việt Nam đang trên đà tăng trưởng vượt bậc, với tốc độ 31%/năm, từ mức 23 tỷ USD năm 2022 dự kiến sẽ lên đến 49 tỷ USD vào năm 2025.

Thương mại điện tử: Việt Nam được dự đoán sẽ xếp thứ 5 về tăng trưởng thương mại điện tử trong khu vực APAC, từ mức 18 tỷ USD năm 2022 lên 32 tỷ USD vào năm 2026 - một bước nhảy vọt 15%. Thương mại điện tử đang trở thành một trong những lĩnh vực chính thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế số của Việt Nam.

Như vậy, Việt Nam là 1 thị trường tiềm năng và nhiều “địa điểm” thuận lợi phát triển thanh toán số. Thách thức của hiện tại là làm thế nào chúng ta có thể tận dụng hết những cơ hội này để xây dựng một hệ thống thanh toán số phục vụ mọi người dân và doanh nghiệp Việt Nam.

3.1. Khung pháp lý thúc đẩy thanh toán số

Khung pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của thanh toán số tại Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc cách mạng số ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Có một số văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành để tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi và an toàn:

Luật phòng, chống rửa tiền:

Luật này chịu trách nhiệm trong việc đề xuất và thi hành các biện pháp chặt chẽ nhằm ngăn chặn hoạt động rửa tiền và gian lận tài chính. Điều này giúp bảo vệ hệ thống thanh toán số khỏi rủi ro và đảm bảo tính minh bạch của các giao dịch.

Luật các tổ chức tín dụng và Luật ngân hàng Nhà nước:

Hai luật này tạo ra cơ sở pháp lý chặt chẽ cho hoạt động của các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Chúng định rõ quy định, trách nhiệm, và quyền lợi của các tổ

chức này, đồng thời tạo điều kiện cho việc triển khai và phát triển các dịch vụ thanh toán số.

Nghị định 101/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt:

Nghị định này là một bước quan trọng trong việc hỗ trợ và khuyến khích sự chuyển đổi từ thanh toán tiền mặt sang thanh toán không dùng tiền mặt. Nó đặt ra những nguyên tắc và quy định cụ thể để định hình và quản lý hệ thống thanh toán số.

Quyết định số 316/QĐ-TTg thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ

Quyết định này có tính cụ thể và thực tế, thí điểm việc sử dụng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ. Điều này không chỉ giúp thử nghiệm hiệu suất của các hệ thống thanh toán mới mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho người dùng tiếp cận dịch vụ thanh toán số một cách dễ dàng.

3.2. Khuôn khổ pháp lý, thông qua hướng dẫn và quy định, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình số hóa sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng

eKYC (Định danh Điện tử) trong mở tài khoản Thanh toán và Thẻ Ngân hàng:

eKYC đóng vai trò quan trọng trong quá trình mở Tài khoản Thanh toán và cấp phát Thẻ Ngân hàng mà không yêu cầu gặp mặt trực tiếp. Điều này giúp giảm bớt rủi ro và tăng tính tiện lợi cho khách hàng, đồng thời thúc đẩy sự chấp nhận và sử dụng các dịch vụ thanh toán số.

Một số văn bản quan trọng đã được ban hành để thúc đẩy thanh toán số thông qua việc mở tài khoản thanh toán và sử dụng thẻ ngân hàng một cách thuận tiện và an toàn:

Thông tư 16/2020/TT-NHNN (sửa đổi TT 23) về Mở, sử dụng tài khoản thanh toán:

Thông tư này cung cấp các hướng dẫn cụ thể về quy trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán, đồng thời khuyến khích việc áp dụng công nghệ eKYC để tối ưu hóa quá trình xác minh thông tin cá nhân của khách hàng.

Thông tư 17/2021/TT-NHNN (sửa đổi TT 19) về Hoạt động thẻ ngân hàng:

Thông tư này tập trung vào quy định hoạt động của thẻ ngân hàng, trong đó cũng liên quan đến việc sử dụng eKYC trong quá trình cấp thẻ và xác minh danh tính của chủ thẻ. Điều này tạo điều kiện cho việc triển khai và phát triển dịch vụ thanh toán số liên quan đến thẻ ngân hàng. Những cải tiến trong lĩnh vực pháp lý này không chỉ giúp tăng cường tính bảo mật và minh bạch trong các giao dịch thanh toán số mà còn thúc đẩy quá trình số hóa trong ngành ngân hàng, đáp ứng nhanh chóng với xu hướng ngày càng tăng của xã hội số hóa.

Trong lĩnh vực thanh toán điện tử và các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

Một số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành để thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ này:

TT 46/2014/TT-NHNN - Hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:

Văn bản cung cấp hướng dẫn chi tiết về quy trình, tiêu chuẩn, và các yêu cầu kỹ thuật cho các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, giúp định rõ vai trò của các bên liên quan và tạo nền tảng cho sự phát triển của hệ thống thanh toán số.

TT 04/2020/TT-NHNN, số 19/2020/TT-NHNN, số 13/2021/TT-NHNN - Chính sách giảm phí giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng:

Các văn bản này nhấn mạnh việc hỗ trợ và khuyến khích sự sử dụng các hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng thông qua việc giảm phí giao dịch. Chính sách này có thể tạo động lực cho doanh nghiệp và người tiêu dùng để chuyển đổi từ thanh toán truyền thống sang các phương thức thanh toán số, góp phần thúc đẩy sự phổ cập và chấp nhận của thanh toán số trong cộng đồng.

Khuôn khổ pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc Ban hành các tiêu chuẩn thúc đẩy và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động NH

QĐ 1928/QĐ-NHNN Tiêu chuẩn về thanh toán QR code

Quyết định 1928/QĐ-NHNN về Tiêu chuẩn thanh toán QR code đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng

khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy thanh toán số tại Việt Nam. Đây là một bước quan trọng nhằm tạo ra tiêu chuẩn chung và thống nhất trong việc sử dụng mã QR code trong các giao dịch thanh toán điện tử.

Theo quy định này, các doanh nghiệp và tổ chức tham gia ngành thanh toán có thể sử dụng mã QR code để thực hiện các giao dịch thanh toán một cách thuận lợi và nhanh chóng. Tiêu chuẩn này không chỉ định rõ cách mã hóa thông tin mà còn đảm bảo tính an toàn và bảo mật của dữ liệu trong quá trình giao dịch.

Quyết định này không chỉ giúp tạo ra một môi trường thanh toán số an toàn và hiệu quả mà còn khuyến khích sự đa dạng hóa và tích hợp của các dịch vụ thanh toán số. Điều này không chỉ làm cho quy trình thanh toán trở nên dễ dàng hơn mà còn thúc đẩy sự chấp nhận của thanh toán số trong cộng đồng.

Quyết định 1928/QĐ-NHNN về Tiêu chuẩn thanh toán QR code là một bước đánh dấu cam kết của Việt Nam trong việc tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho sự phát triển của hệ thống thanh toán số, thúc đẩy chuyển đổi toàn diện từ thanh toán truyền thống sang thanh toán số.

QĐ 1927/QĐ-NHNN Tiêu chuẩn thẻ chip nội địa

Quyết định 1927/QĐ-NHNN về Tiêu chuẩn thẻ chip nội địa đã đánh dấu một bước quan trọng trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy thanh toán số tại Việt Nam. Được ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước, quyết định này tập trung vào việc thiết lập các tiêu chuẩn cho thẻ chip nội địa, nhằm nâng cao tính bảo mật và hiệu suất trong các giao dịch thanh toán điện tử.

TT 41/2018/TT-NHNN Lộ trình chuyển đổi, áp dụng tiêu chuẩn thẻ chip nội địa

Thông tư 41/2018/TT-NHNN về Lộ trình chuyển đổi, áp dụng tiêu chuẩn thẻ chip nội địa đã được ban hành nhằm định rõ quá trình chuyển đổi và thời hạn áp dụng tiêu chuẩn mới. Điều này không chỉ giúp ngành ngân hàng và doanh nghiệp dễ dàng kế hoạch hóa và triển khai chuyển đổi mà còn đảm bảo sự nhất quán và tính tương thích trong hệ thống thanh toán.

TT 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán

Quy định của TT 39/2014/TT-NHNN đã đề ra những tiêu chí quan trọng và yêu cầu về an toàn, an ninh cho hoạt động của ngân hàng. Điều này giúp tạo ra một hệ thống thanh toán số vững chắc và đáng tin cậy, bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng và ngăn chặn các rủi ro liên quan đến an toàn tài khoản và giao dịch.

TT 09/2020/TT-NHNN – 35/2016,2018/TT-NHNN an toàn, bảo mật hệ thống thông tin trong hoạt động NH/cung cấp dịch vụ NH điện tử. TT 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016 quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán

TT 30/2016/TT-NHNN và TT 09/2020/TT-NHNN tiếp tục đề xuất những hướng dẫn và quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán. Điều này bao gồm cả việc đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng và cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử.

Như vậy, hững quy định và tiêu chuẩn trên tập trung vào việc xây dựng nền tảng an toàn, không chỉ để ngăn chặn các vấn đề về lừa đảo mà còn để tạo niềm tin và sự chấp nhận của cộng đồng đối với thanh toán số. Điều này đặt ra tiêu chí chung cho các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, đồng thời hỗ trợ sự phát triển bền vững của hệ thống thanh toán số tại Việt Nam.

3.3. Hạ tầng kỹ thuật thanh toán tại Việt Nam

Hạ tầng thanh toán tại Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện, mang lại nhiều cơ hội và tiện ích mới cho người dùng và doanh nghiệp, góp phần tạo nên một môi trường thanh toán hiện đại và tích hợp. Hệ thống kết nối giữa các bộ ngành được cải thiện, đồng thời cơ sở dữ liệu quốc gia với hơn 83 triệu thẻ CCCD gắn chip đang đóng vai trò quan trọng trong việc xác thực và bảo mật giao dịch.

Với hơn 21 nghìn ATM và 430 nghìn POS, hệ thống thẻ và điểm chấp nhận thanh toán ngày càng phổ biến, tạo điều kiện thuận lợi cho người dùng và doanh nghiệp. Hơn 83 ngân hàng cung cấp dịch vụ Internet Banking, người dùng có khả năng quản lý tài chính của mình mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối internet. 52 ngân

hàng đã triển khai dịch vụ Mobile Banking, giúp người dùng thực hiện các giao dịch bằng điện thoại di động một cách thuận tiện.

Sự xuất hiện và hoạt động của nhiều hệ thống quan trọng. Hệ thống IBPS (Interbank Payment System) đã một vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa các ngân hàng và tổ chức tài chính, tạo ra một môi trường thanh toán quốc tế và nội địa hiệu quả. Đồng thời, hệ thống CMTC&BTĐT đảm bảo tính minh bạch và an toàn trong các giao dịch thanh toán điện tử.

Hệ thống thông tin tín dụng quốc gia chịu trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác về lịch sử tín dụng, đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá rủi ro tín dụng và quyết định về việc cung cấp dịch vụ tài chính. Đồng thời, các hệ thống chuyển mạch thẻ QT (Quick Transfer) cùng với hơn 50 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được cấp phép đang tạo ra sự linh hoạt và thuận tiện trong quá trình thanh toán.

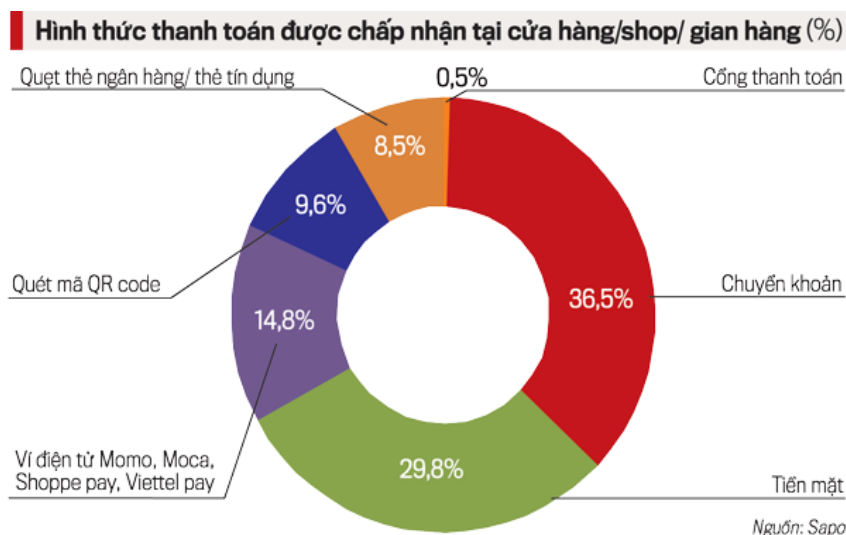
Việt Nam đã kết nối hệ thống thanh toán tại cấp bán lẻ với Thái Lan và Hàn Quốc thông qua QR Code, tạo điều kiện cho người dùng thực hiện thanh toán quốc tế một cách đơn giản. Sự mở rộng này sẽ tiếp tục khi Việt Nam đang trong quá trình đàm phán để kết nối với một số nước ASEAN khác, thúc đẩy tích hợp kinh tế và giao thương quốc tế.

Một điểm độc đáo là việc thử nghiệm dịch vụ Mobile Money, do ba doanh nghiệp viễn thông đang triển khai. Điều này mang lại sự thuận tiện và lựa chọn linh hoạt khi thực hiện các giao dịch thanh toán thông qua điện thoại di động.

4. Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam

4.1. Thanh toán số tại Việt Nam - Những lựa chọn và tốc độ tăng trưởng

Khảo sát của Facebook và Bain & Company cho thấy lần đầu tiên việc thanh toán sử dụng tiền mặt đã có sự sụt giảm đáng kể từ 60% trong 2020 xuống còn 42% năm 2021. Sức hút mạnh mẽ từ các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt phản ánh qua mức tăng sử dụng ví điện tử lên đến 82% và tăng chuyển khoản ngân hàng lên tới 18%.



Kết quả khảo sát 15.000 nhà bán lẻ Việt Nam được Sapo đưa ra đầu năm 2022 trong đó chuyển khoản đã vượt qua tiền mặt trở thành phương thức thanh toán được chấp nhận phổ biến nhất tại các cửa hàng bán lẻ và nhà hàng, quán ăn, quán cafe (chiếm 36,5%). Sự phát triển đa dạng, cạnh tranh khốc liệt giữa nhiều thương hiệu và chương trình khuyến mãi hấp dẫn của các ví điện tử đã đưa hình thức này lên Top 3 loại hình thanh toán được chấp nhận nhiều nhất.

Chuyển khoản cũng được các nhà bán hàng chấm điểm cao nhất về mức độ dễ dàng sử dụng và đối soát. Ngược lại, hình thức cổng thanh toán (tích hợp trên website) và thẻ tín dụng online không được ưa chuộng, chủ yếu do thời gian đối soát kéo dài và khó theo dõi dòng tiền.

Số lượng giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tăng 8,55% về giá trị; Số lượng giao dịch qua Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử tăng 70,77% về số lượng và tăng 18,55% về giá trị. Đến cuối tháng 3/2023, toàn thị trường có 21.347 máy ATM và có 430.625 máy POS; tăng tương ứng 3,88% và 26,34% so với cùng kỳ năm 2022. Số lượng giao dịch qua POS tăng 37,57% về số lượng và tăng 32,09% về giá trị, giao dịch qua ATM tiếp tục giảm 2,37% về số lượng và giảm 4,02% về giá trị cho thấy xu hướng dịch chuyển từ rút tiền mặt sang TTKDTM.

Tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng đạt 74,63%; Giao dịch TTKDTM tăng 53,51% về số lượng; qua kênh Internet tăng 88,11% về số lượng và 7,43% về giá trị;

qua kênh điện thoại di động tăng 65,55% về số lượng và 13,31% về giá trị; qua phương thức QR code tăng 160,71% về số lượng và 43,84% về giá trị; Tổng số tài khoản Mobile-Money được đăng ký và sử dụng là hơn 3,71 triệu tài khoản với gần 8,88 nghìn điểm kinh doanh được thiết lập, 15,3 nghìn đơn vị chấp nhận thanh toán.

Theo nhận xét của các chuyên gia, Việt Nam đang tiến gần hơn đến một nền tài chính toàn diện và dần trở thành một xã hội không dùng tiền mặt. Nghiên cứu của Google cho thấy, đại dịch đã thay đổi cách người dùng kể nối nguồn tiền và cách họ tương tác với các ngân hàng. Thói quen thanh toán bằng tiền mặt đã thay đổi hoàn toàn ngay cả khi lệnh giãn cách xã hội tiếp tục được nới lỏng. Ngày càng có nhiều người Việt cởi mở với các công nghệ thanh toán mới. Tỷ lệ mở thẻ online trong năm qua đã tăng 66%. Tại Việt Nam, số lượt tìm kiếm trên mạng cho một số dịch vụ ví điện tử đã tăng gấp 10 lần.

4.2. Thanh toán không dùng tiền mặt trong dịch vụ công

Thanh toán không sử dụng tiền mặt trong dịch vụ công tại Việt Nam đang phát triển tích cực, với nhiều nỗ lực và thành tựu đáng chú ý.

Chính phủ Việt Nam đang mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong dịch vụ công, nhằm giảm tải lệ phí và tạo thuận lợi cho người dân. Sự mở rộng này đã lan tỏa đến 71 Bộ ngành và Địa phương, tăng cường khả năng tiếp cận của cộng đồng với các dịch vụ quan trọng



Mô hình thanh toán không dùng tiền mặt đã được triển khai rộng rãi, đặc biệt tại khu vực đô thị, giúp 61% người hưởng các chế độ BHXH và trợ cấp thất nghiệp thực hiện các giao dịch qua tài khoản cá nhân giúp nâng cao hiệu suất, minh bạch và an toàn cho cả người nhận lợi ích và hệ thống quản lý.



63,8% địa phương đã triển khai Thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là trong các cơ sở khám chữa bệnh. Cùng với đó, 88% bệnh viện thuộc Bộ và các trường Đại học Y, Dược cũng tham gia vào quá trình triển khai TTKDTM mang lại lợi ích vô cùng quan trọng cho bệnh nhân và cộng đồng.

99,8% số thu Hải quan được thực hiện qua ngân hàng, đồng thời 99% doanh nghiệp đã đăng ký nộp thuế điện tử chứng tỏ sự tích cực của doanh nghiệp và cơ quan thuế trong việc chuyển đổi sang các phương tiện thanh toán số, tạo ra hiệu suất cao trong quản lý thu ngân sách

4.3. Kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia về dân cư

Kế hoạch hành động ngành Ngân hàng (QĐ 171/QĐ-NHNN) thực hiện QĐ 06/QĐ-TTg và Kế hoạch phối hợp 01/KHPH BCA-NHNN giữa NHNN và Bộ Công an triển khai QĐ 06/QĐ-TT



Một số sản phẩm và dịch vụ liên quan:

42 Tổ chức Tín dụng (TCTD) đã triển khai ứng dụng thẻ CCCD gắn chip giúp xác thực thông tin cá nhân của người dân một cách chính xác và an toàn hơn

07 TCTD sử dụng VNeID để xác thực khách hàng nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu và an ninh thông tin

27 TCTD thực hiện công tác làm sạch dữ liệu khách hàng mở tài khoản thanh toán giúp cải thiện chất lượng thông tin và tăng cường khả năng phân tích dữ liệu

05 TCTD đang thực hiện thí điểm giải pháp chấm điểm tín dụng giúp đánh giá khả năng thanh toán và tin cậy của khách hàng, từ đó hỗ trợ quyết định về các sản phẩm và dịch vụ tài chính.

12 TCTD đã triển khai công tác đào tạo và phổ biến kiến thức cho cán bộ và nhân viên ngân hàng nhằm nâng cao kỹ năng và hiểu biết về việc sử dụng dữ liệu quốc gia một cách hiệu quả.

Các sản phẩm và dịch vụ trên là những bước tiến quan trọng trong việc kết nối và khai thác dữ liệu quốc gia và đóng góp vào sự phát triển của hệ thống tài chính và dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam.

5. Triển vọng, thách thức và định hướng trong thời gian tới

5.1. Triển vọng thanh toán số

Xuất hiện các dịch vụ, phương thức thanh toán mới, đa dạng như: thẻ không tiếp xúc, QR code, ApplePay, SamsungPay,...

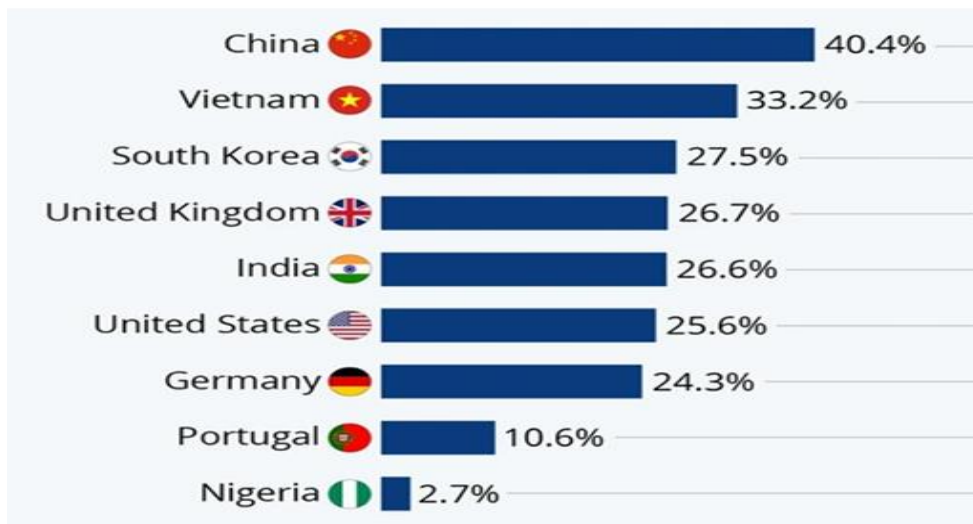
Với các giao dịch qua hệ thống máy POS/mPOS thì thẻ phi vật lý với các giải pháp thanh toán không tiếp xúc như Samsung Pay, Google Pay,... hay mới nhất là Apple Pay đã hiện diện ngày càng phổ biến tại thị trường Việt Nam khiến thẻ phi vật lý càng trở nên trở nên hợp thời và thuận tiện hơn bao giờ hết.

Người dùng có thể thêm thẻ thanh toán hay thẻ tín dụng Visa phi vật lý vào Apple Pay, Google Pay, Samsung Pay để thoải mái mua sắm tại hàng triệu cửa hàng, điểm chấp nhận thanh toán mà không cần mang theo thẻ nhựa hay tiền mặt.

Ưu điểm lớn của các phương thức thanh toán này là chủ thẻ có thể thanh toán kể cả khi không được kết nối internet. Khi cần chi tiêu, chủ thẻ chỉ cần đưa smartphone hoặc smartwatch gần máy POS/mPOS có biểu tượng contactless là dễ dàng hoàn tất giao dịch.



Việt Nam đứng sau Trung Quốc về tỷ lệ người dùng thanh toán di động (33,2% so với 40,%) năm 2022.



Hình ảnh: Các quốc gia có tỷ lệ người dùng thanh toán qua di động cao nhất thế giới Việt Nam là quốc gia xếp thứ 2, với tỷ lệ 33,2% người dùng smartphone sau Trung Quốc . Các quốc gia xếp tiếp theo lần lượt là Hàn Quốc (27,5%), Vương quốc Anh (26,7%), Ấn Độ (26,6%), Mỹ (25,6%)...

Xu hướng giảm tiền mặt tại các điểm chấp nhận thanh toán do thanh toán di động và mã QR phát triển Dự kiến giảm từ 16% (2021) xuống 8% (2026) ở khu vực APAC

Báo cáo Thanh toán Toàn cầu cũng chỉ ra rằng, việc sử dụng tiền mặt ở APAC dự kiến sẽ giảm một nửa từ năm 2021 đến năm 2026, từ 16% xuống 8% giá trị giao dịch POS nhờ việc áp dụng rộng rãi thanh toán di động và mã QR. Tuy nhiên, vẫn có sự chênh lệch lớn trong việc sử dụng tiền mặt giữa các quốc gia riêng lẻ, trong đó Thái Lan có mức sử dụng tiền mặt cao nhất (56% giá trị giao dịch POS năm 2022) và Úc có mức thấp nhất (6% giá trị giao dịch POS năm 2022).



Nguồn: GPR 2023 Báo cáo thanh toán toàn cầu, Worldpay của FIS

Xu hướng kết nối thanh toán song phương, đa phương xuyên biên giới

Hội nghị Thống đốc Ngân hàng Trung ương và Bộ trưởng Tài chính ASEAN lần thứ 10 được diễn ra tại Jakarta, Indonesia vào tháng 8/2023, Phó Thống đốc Phạm Thanh Hà đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác kết nối thanh toán khu vực với các ngân hàng trung ương ASEAN5: Indonesia, Malaysia, Phillipines, Singapore và Thái Lan.

Ngân hàng trung ương các nước ASEAN5 đã cam kết thúc đẩy kết nối thanh toán xuyên biên giới nhanh hơn, minh bạch, toàn diện hơn và với chi phí thấp hơn, đảm bảo quyền và lợi ích của người dùng. Các ngân hàng trung ương thành viên đã

thống nhất thúc đẩy kết nối thanh toán xuyên biên giới trên cơ sở ứng dụng các phương thức thanh toán như QR Code, thanh toán nhanh và các mô hình thanh toán khác cũng như hợp tác giám sát và xây dựng cơ chế quản lý rủi ro lành mạnh, phù hợp với khuôn khổ pháp lý của các quốc gia thành viên

Đến nay, có 9 liên kết trong lĩnh vực thanh toán song phương sử dụng mã QR giữa các quốc gia ASEAN đang hoạt động và 10 liên kết đang được phát triển. Đối với lĩnh vực chuyển tiền, đã có 3 liên kết đi vào hoạt động và 5 liên kết đang được thiết lập.

Việc ký kết thêm các biên bản ghi nhớ giữa các bên được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới thành viên để tạo thuận lợi thúc đẩy kết nối thanh toán xuyên biên giới không chỉ trong khu vực ASEAN mà cả với các quốc gia khác.

5.2. Một số hạn chế và thách thức

Cơ chế pháp lý chưa theo kịp

Mặc dù ngành thanh toán số đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam, nhưng một số hạn chế và thách thức vẫn đặt ra, trong đó nổi bật là cơ chế pháp lý chưa theo kịp với sự đổi mới và biến động nhanh chóng của thị trường.

Bối cảnh mới với sự thay đổi nhanh chóng trong hành vi người dùng, xu hướng mới trong mô hình kinh doanh và xuất hiện của "những người chơi mới" đã tạo ra môi trường cạnh tranh mới, sáng tạo và phức tạp hơn. Các kênh phân phối mới dựa trên công nghệ và sự sáng tạo trong dữ liệu đã tạo ra những thách thức không ngừng cho cơ chế pháp lý hiện tại.

Tốc độ xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý chưa thể thích ứng nhanh chóng với sự đổi mới trong lĩnh vực thanh toán số. Cần có sự linh hoạt và tương thích giữa cơ chế pháp lý và những xu hướng mới để đảm bảo an toàn và tính minh bạch trong giao dịch điện tử.

Cạnh tranh đến từ các đối thủ

Các tổ chức tài chính đang phải đối mặt tại Việt Nam là cạnh tranh đến từ nhiều hướng, không chỉ từ các đối thủ cùng ngành mà còn từ các "người chơi mới" có trải nghiệm khách hàng và hệ sinh thái vượt trội.

Sự gia nhập của Fintech và Bigtech vào thị trường thanh toán số đã mang lại một sự cạnh tranh khốc liệt. Những tổ chức này thường mang đến những giải pháp thanh toán đột phá, tích hợp công nghệ mới và tận dụng sự linh hoạt của hệ thống của họ để cung cấp trải nghiệm người dùng tốt hơn và chi phí thấp hơn.

Đặc biệt, sự xuất hiện của các "người chơi mới" này không chỉ đặt ra thách thức về mặt cạnh tranh, mà còn đòi hỏi sự đổi mới liên tục từ phía các tổ chức tài chính truyền thống để có thể duy trì và phát triển thị trường của mình. Việc nắm bắt xu hướng mới, nhanh chóng tích hợp công nghệ và cải thiện trải nghiệm khách hàng trở thành yếu tố quyết định sự thành công trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt này.

Gia tăng các rủi ro an ninh mạng

Xu hướng tội phạm mạng sử dụng công nghệ cao ngày càng gia tăng, làm tăng nguy cơ về an ninh thông tin và an toàn hệ thống.

Các hệ thống thanh toán số, với lượng dữ liệu lớn và giao dịch trực tuyến, trở thành mục tiêu hấp dẫn cho các hành vi tội phạm mạng. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc duy trì một môi trường an toàn và đáng tin cậy cho người dùng. Đồng thời, các tổ chức phải đối mặt với áp lực lớn để đầu tư nhiều nguồn lực vào công tác bảo mật thông tin và nâng cấp hệ thống để đối phó với những mối đe dọa ngày càng phức tạp.

Thách thức trong giáo dục tài chính và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Yêu cầu về tuyên truyền và giáo dục tài chính ngày càng trở nên quan trọng để nâng cao hiểu biết về tài chính và kỹ năng số (financial literacy và digital literacy) trong cộng đồng. Với sự bùng nổ của các dịch vụ thanh toán số, người tiêu dùng cần có kiến thức đủ để hiểu rõ về cách sử dụng, an toàn và tiện lợi của các sản phẩm thanh toán điện tử. Việc thiếu thông tin hoặc hiểu lầm có thể tạo ra rủi ro cho người sử dụng, từ việc bảo mật thông tin cá nhân đến quản lý tài chính cá nhân.

Đồng thời, yêu cầu pháp lý về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng cũng đang trở nên ngày càng chặt chẽ. Quyền riêng tư và quản lý dữ liệu cá nhân đặc biệt trong bối cảnh ngày càng tăng cường về sự kết nối và thu thập dữ liệu trong môi trường

thanh toán số. Điều này đòi hỏi sự chú trọng từ phía các tổ chức thanh toán và cơ quan quản lý để đảm bảo rằng quy định và chuẩn mực được thực hiện một cách chặt chẽ, bảo vệ tốt nhất quyền lợi và dữ liệu cá nhân của người tiêu dùng.

5.3. Định hướng các giải pháp trong thời gian tới

Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại: Đề án phát triển TTKDTM (QĐ 1813/QĐ-TTg), Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư (Quyết định 06/QĐ-TTg)

- ***Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, khung khổ pháp lý***

Ngành Ngân hàng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và khung pháp lý. Điều này bao gồm việc sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng để đảm bảo rằng các ngân hàng có thể linh hoạt và nhanh chóng thích ứng với các thay đổi trong môi trường thanh toán điện tử.

Dự án Luật các hệ thống thanh toán là một bước quan trọng để xây dựng nền tảng pháp lý cho các dịch vụ thanh toán mới. Điều này sẽ giúp định rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng.

Ngoài ra, Nghị định thay thế Nghị định về Thanh toán điện tử là một bước tiến quan trọng để điều chỉnh và cập nhật các quy định, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai thanh toán điện tử. Các quy định này sẽ giúp đảm bảo an toàn và minh bạch trong các giao dịch thanh toán số.

Các cơ chế thử nghiệm (Sandbox) có kiểm soát là một phương tiện hiệu quả để ngành Ngân hàng kiểm soát và quản lý các hoạt động công nghệ tài chính mới một cách an toàn. Điều này giúp tạo một môi trường thử nghiệm có kiểm soát, giảm rủi ro và tạo điều kiện cho sự đổi mới.

Việc ban hành các quy định tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ số là cần thiết để đẩy mạnh sự tiện lợi và linh hoạt trong việc sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử. Các quy định này có thể bao gồm bảo mật thông tin, quyền riêng tư và quản lý rủi ro, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ thống thanh toán số.

- ***Chú trọng triển khai Đề án 06:***

Đề án tập trung đặc biệt vào việc kết nối CSDLDC (Cơ sở dữ liệu lớn của Chính phủ), hệ thống định danh và xác thực điện tử nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ của các ngân hàng.

Kết nối với CSDLDC giúp ngành ngân hàng tiếp cận và sử dụng thông tin cơ bản của người dân một cách thuận tiện, giảm thiểu thủ tục giấy tờ và tăng cường tính xác thực trong quá trình giao dịch. Không chỉ giúp tăng cường an toàn thông tin mà còn đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý khách hàng.

Hệ thống định danh và xác thực điện tử giữ một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn và bảo mật cho các giao dịch ngân hàng trực tuyến. Việc sử dụng các phương tiện xác thực điện tử như mã xác nhận, chữ ký số giúp ngăn chặn rủi ro lừa đảo và bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng.

Kế hoạch phối hợp giữa Bộ Công An và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) càng làm tăng tính linh hoạt và sự hiệu quả của Đề án 06, đồng thời đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững của hệ thống thanh toán số trong ngành ngân hàng.

- ***Tiếp tục nâng cấp phát triển hạ tầng công nghệ phục vụ TTKDTM: nâng cấp, mở rộng kết nối hệ thống thanh toán, hệ sinh thái thanh toán***

Tiếp tục nâng cấp và phát triển hạ tầng công nghệ phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) là một trong những hướng đi để thúc đẩy sự chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính. Cụ thể, chú trọng vào việc nâng cấp hạ tầng công nghệ sẽ bao gồm cả việc mở rộng và cải thiện kết nối giữa các hệ thống thanh toán và hệ sinh thái thanh toán.

Nâng cấp hệ thống thanh toán nhằm tối ưu hóa khả năng xử lý giao dịch, giảm thời gian giao dịch và tăng cường độ tin cậy của hệ thống. Không chỉ mang lại trải nghiệm thanh toán nhanh chóng và thuận tiện cho người dùng mà còn giúp giảm nguy cơ lỗi giao dịch và tăng cường tính bảo mật.

Mở rộng kết nối hệ sinh thái thanh toán tạo ra một môi trường đa dạng và linh hoạt, giúp người dùng tiếp cận nhiều lựa chọn thanh toán và dịch vụ tài chính khác nhau. Điều này cũng tạo điều kiện cho sự đổi mới và sự xuất hiện của các dịch vụ mới, giúp đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu thay đổi của người tiêu dùng.

Việc tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ cho TTKDTM không chỉ tăng cường hiệu suất và tính linh hoạt của hệ thống thanh toán, mà còn mở ra các cơ hội mới trong việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ tài chính số.

- ***Ứng dụng công nghệ để phát triển sản phẩm, dịch vụ thanh toán số tiện ích phục vụ người dân đi đôi với đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động ngân hàng***

Sự ứng dụng linh hoạt của công nghệ để phát triển và cải thiện sản phẩm, dịch vụ thanh toán số đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân. Việc này không chỉ giúp tối ưu hóa trải nghiệm người dùng mà còn đảm bảo an ninh và an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Bằng cách sử dụng công nghệ, các sản phẩm và dịch vụ thanh toán số được phát triển để trở nên linh hoạt hơn, tiện ích hơn và dễ sử dụng hơn. Giao dịch trực tuyến, ví điện tử, ứng dụng thanh toán di động và các giải pháp thanh toán không tiếp xúc trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, giúp người dân tiếp cận và quản lý tài chính một cách thuận tiện.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng công nghệ vào ngân hàng và thanh toán, việc đảm bảo an ninh và an toàn là yếu tố hàng đầu. Hệ thống bảo mật cao cấp và các biện pháp chống gian lận được tích hợp để bảo vệ thông tin cá nhân và tài khoản ngân hàng của người dùng. Ngoài ra, công nghệ blockchain cũng được tích hợp để đảm bảo tính minh bạch và không thể thay đổi trong các giao dịch.

Sự kết hợp giữa ứng dụng công nghệ và an ninh là chìa khóa để tạo ra một môi trường thanh toán số tiện ích, đáp ứng mọi yêu cầu của người dân mà vẫn đảm bảo tính bảo mật và an toàn cao nhất.

- ***Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo và tuyên truyền, giáo dục tài chính cho người dân; Bố trí nguồn lực phục vụ cho TTKDTM***

Việc tăng cường công tác đào tạo và tuyên truyền, giáo dục tài chính cho người dân giúp người dân hiểu rõ về các ưu điểm và cơ hội của thanh toán số, cũng như biết cách sử dụng các sản phẩm và dịch vụ này một cách hiệu quả.

Công tác đào tạo và tuyên truyền giúp tạo ra một cộng đồng thông thái và sẵn sàng tiếp cận các giải pháp thanh toán số. Nó cũng chú trọng vào việc nâng cao hiểu biết

tài chính (financial literacy) và hiểu biết số (digital literacy) cho người dân, giúp họ tự tin hơn khi sử dụng các công nghệ thanh toán mới.

Bên cạnh đó, việc bố trí nguồn lực cho TTKDTM là một phần quan trọng của quá trình này. Nguồn lực này bao gồm cả sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nhân sự, và phát triển các chiến lược tuyên truyền hiệu quả để đảm bảo rằng mọi lớp người dân đều có cơ hội tiếp cận và sử dụng thanh toán số một cách thuận lợi. Điều này sẽ đóng góp vào việc xây dựng một môi trường thanh toán số phổ cập và hiệu quả tại cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- CAUL (2019). *Digital dexterity framework*. Council of Australian University Librarians. Truy cập tại <https://www.caul.edu.au/sites/default/files/documents/digital-dexterity/digdex2019framework.pdf>
- Change, J., & Huynh, P. (2016). ASEAN in Tranformation - The Future of Jobs at Risk of Automation. In *Bureau for Employers' Activities*.
- Council of Europe. (n.d.). *Digital Citizenship Education (DCE) - A conceptual model*. Truy cập từ <https://www.coe.int/en/web/digital-citizenship-education/a-conceptual-model>
- Facebook (2020). Tập tài liệu đào tạo của Chương trình tư duy thời đại số. Truy cập tại <https://wethinkdigital.fb.com/vn/vi/resources>.
- Henriette, E., Feki, M., & Boughzala, I. (2015). The Shape of Digital Transformation: A Systematic Literature Review. *Mediterranean Conference on Information Systems (MCIS) Proceedings*, 1–13.
- Internet Society (n.d.). *Digital footprints*. Tập tài liệu đào tạo về dấu chân số. Truy cập tại <https://www.internetsociety.org/tutorials/your-digital-footprint-matters/>
- JISC (2017). *Building digital capabilities: The six elements defined*. Truy cập tại https://repository.jisc.ac.uk/6611/1/JFL0066F_DIGIGAP_MOD_IND_FRAME.PDF
- Killen, C. (2018). Collaboration and Coaching: Powerful Strategies for Developing Digital Capabilities. In *Digital Literacy Unpacked* (pp. 29–44). Facet.
- Microsoft (2021). *Discover digital literacy*. Truy cập tại <https://www.microsoft.com/en-us/digital-literacy>.
- Pangrazio, L. (2019). *Young People ' S Literacies in the Digital Age Continuities, Conflicts and Contradictions*.
- Secker, J. (2018). The trouble with terminology: rehabilitating and rethinking “digital literacy.” In *Digital Literacy Unpacked* (pp. 3–16). Facet.
- Sibson, R., & Morgan, A. (2019). Digital literacy: What is it? What proficiencies do students say they have? and What else can educators do to develop these important skills?

Vision and Voice. Proceedings of the 28th Annual WA Teaching Learning Forum.
<http://ctl.curtin.edu.au/events/conferences/tlf/tlf2019/contents-all.html>

Thomson, S., & De Bortoli, L. (2012). *Preparing Australian Students for the Digital World: results from the PISA 2009 digital reading literacy assessment*. ACER Press.

Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*

UNESCO (2018). *A Global framework of reference on digital literacy skills for indicator 4.4.2.*

UNESCO Institute for Statistics, Information Paper No. 51, Ref: UIS/2018/ICT/IP51

UNESCO. (2018). *A Global Framework of Reference on Digital Literacy*. In *UNESCO Institute for Statistics*.

Mof.gov.vn Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt dựa trên nền tảng công nghệ số

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư | Hệ thống văn bản (dangcongsan.vn)

Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (chinhphu.vn)

Thanh toán không tiền mặt hướng tới khu vực Đông Nam Á (vietnamnet.vn)

Thanh toán điện tử theo thời gian thực thúc đẩy tăng trưởng trên khắp APAC (thitruongtaichinhliente.vn)

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thanh-toan-dien-tu-tai-viet-nam-giai-doan-2022-2025-trien-vong-thach-thuc-va-mot-so-giai-phap-phat-trien-89400.htm>